

CTCP THỦY ĐIỆN THÁC BÀ	
ĐẾN	Số: 155.....
	Ngày: 24/12/2016
Chuyên:.....	

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính

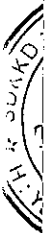
Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 36



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Vũ Hoàng Chương	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Phương	Trưởng ban	
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Bà Đỗ Thị Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quang Thắng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Thắng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Nguyễn Quang Thắng ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

14
CHI
CÓ
H N
NST
VI
TẠI
V KI

31
C
H
T
N



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61201381/17835963

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

INH
TY
HUU
DUN
M
DI
T.P.

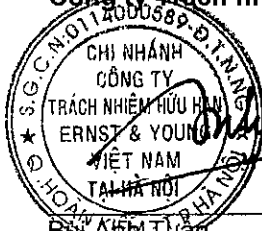


Building a better
working world

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Xuân Tân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2016

Đ. T. N. G.
VIỆT NAM

VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ


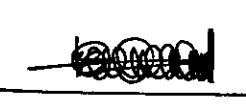
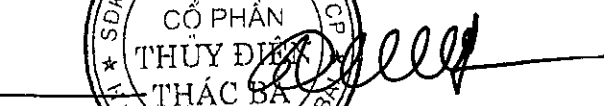
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		397.802.197.708	498.415.832.709
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	53.782.863.176	275.153.556.209
111	1. Tiền		24.151.278.940	15.726.605.053
112	2. Các khoản tương đương tiền		29.631.584.236	259.426.951.156
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		289.724.592.557	112.593.354.050
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	289.724.592.557	112.593.354.050
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		48.949.067.313	103.906.179.701
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	39.079.068.233	85.575.658.324
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.172.257.976	3.277.278.006
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.122.525.684	15.739.391.900
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(424.784.580)	(686.148.529)
140	IV. Hàng tồn kho	8	5.228.868.255	6.710.325.549
141	1. Hàng tồn kho		5.228.868.255	6.710.325.549
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		116.806.407	52.417.200
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	13	116.806.407	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	52.417.200
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		474.597.473.676	481.493.986.418
220	I. Tài sản cố định		439.496.454.941	446.603.793.683
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	421.166.315.871	427.916.800.669
222	Nguyên giá		1.438.432.502.958	1.407.802.477.924
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.017.266.187.087)	(979.885.677.255)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	18.330.139.070	18.686.993.014
228	Nguyên giá		20.635.322.400	20.558.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.305.183.330)	(1.871.329.386)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		1.336.098.557	2.271.192.735
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.336.098.557	2.271.192.735
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		32.619.000.000	32.619.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2	32.619.000.000	32.619.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.145.920.178	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.145.920.178	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		872.399.671.384	979.909.819.127



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		29.963.103.097	56.772.680.049
310	I. Nợ ngắn hạn		29.963.103.097	56.772.680.049
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.651.080.377	8.698.516.903
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.266.277.800	49.382.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	7.731.143.249	16.626.081.442
314	4. Phải trả người lao động		7.722.286.949	9.389.968.736
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.052.924.939	2.256.168.516
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.020.839.244	18.107.370.050
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.518.550.539	1.645.192.002
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		842.436.568.287	923.137.139.078
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	842.436.568.287	923.137.139.078
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu khác		78.789.742.471	42.155.876.721
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		70.710.862.106	107.344.727.856
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.935.963.710	138.636.534.501
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.145.105.888	296.002.394
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		51.790.857.822	138.340.532.107
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		872.399.671.384	979.909.819.127

Lê Hồng Minh
Người lập

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc



Yên Bái, Việt Nam


Ngày 25 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

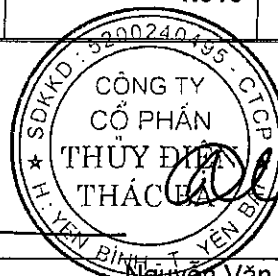
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	251.087.216.645	311.811.762.771
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	251.087.216.645	311.811.762.771
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(98.784.782.337)	(130.340.995.863)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		152.302.434.308	181.470.766.908
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	20.021.181.451	22.045.962.079
22	7. Chi phí tài chính		-	(5.416.849)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(29.977.269.736)	(30.251.391.548)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		142.346.346.023	173.259.920.590
31	11. Thu nhập khác		2.367.886.051	299.454.775
32	12. Chi phí khác		(396.695.857)	(114.242.352)
40	13. Lợi nhuận khác		1.971.190.194	185.212.423
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		144.317.536.217	173.445.133.013
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	(29.026.678.395)	(35.104.600.906)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		115.290.857.822	138.340.532.107
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.816	2.100
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	1.816	2.100


Lê Hồng Minh
Người lập


Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc



Yên Bái, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

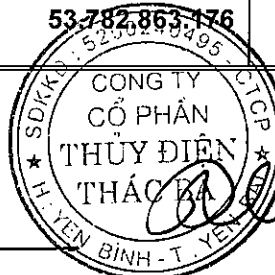
Đơn vị tính: VNĐ


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		144.317.536.217	173.445.133.013
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9,10	43.818.204.492	64.945.635.373
03	Các khoản dự phòng		(261.363.949)	(2.314.424.246)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(344.999)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(22.520.834.999)	(22.055.439.679)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		165.353.196.762	214.020.904.461
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		58.197.074.106	(40.854.961.235)
10	Giảm hàng tồn kho		1.481.457.294	3.661.531.633
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(9.513.844.420)	14.757.464.228
12	Tăng chi phí trả trước		(1.145.920.178)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22.2	(30.186.076.835)	(31.878.203.588)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		330.648.278	1.064.118.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.299.124.784)	(5.169.039.598)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		179.217.410.223	155.601.813.901
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.736.446.978)	(19.211.655.120)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.500.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(265.291.656.212)	(112.593.354.050)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		88.160.417.705	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.042.237.230	21.056.717.710
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(201.325.448.255)	(110.748.291.460)

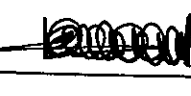
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(199.263.000.000)	(109.335.095.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(199.263.000.000)	(109.335.095.300)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(221.371.038.032)	(64.481.572.859)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		275.153.556.209	339.638.497.004
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		344.999	(3.367.936)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	53.782.863.176	275.153.556.209




Lê Hồng Minh
Người lập


Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 140 (năm 2014: 141).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

30
NHÀ
HÀNG
& Y
N
A -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

PHÒNG
NH
Y
HỮU
DUN
M
Đ
P.V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

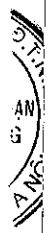
Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao cho các tài sản là Tổ máy phát điện số 1 và Tổ máy phát điện số 3 từ 10 năm tăng lên thành 20 năm. Ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 nếu Công ty áp dụng tỷ lệ khấu hao cho các tài sản này như trong các năm tài chính trước sẽ làm giảm lợi nhuận trước thuế của Công ty với số tiền ước tính là 12,6 tỷ đồng.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng cho các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

TRUNG ƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

STT
CH
C
CH N
RNS
VII
TÀI
V K

15/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

1096
NH
ĐNG
HIỆM
&
T N
HÀ N
M
24
NC
P
Y
A
UN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	880.772.960	132.648.268
Tiền gửi ngân hàng	23.270.505.980	15.593.956.785
Các khoản tương đương tiền	29.631.584.236	259.426.951.156
TỔNG CỘNG	53.782.863.176	275.153.556.209
<i>Trong đó:</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	29.631.584.236	206.515.255.582
Tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng là bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	52.911.695.574

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VNĐ tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 2 đến 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% - 4,6%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

5.1 Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	289.724.592.557	289.724.592.557	112.593.354.050	112.593.354.050
TỔNG CỘNG	289.724.592.557	289.724.592.557	112.593.354.050	112.593.354.050
<i>Trong đó:</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	235.218.274.891	235.218.274.891	112.593.354.050	112.593.354.050
Tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng là bên liên quan (Thuyết minh số 23)	54.506.317.666	54.506.317.666	-	-

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VNĐ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VNĐ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do các cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu của khách hàng	4.149.995.114	2.833.034.324
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Thí nghiệm điện	3.255.711.427	-
- Khác	894.283.687	2.833.034.324
Phải thu của khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 23)	<u>34.929.073.119</u>	<u>82.742.624.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>39.079.068.233</u>	<u>85.575.658.324</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(424.784.580)	(686.148.529)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Tiền bán điện (Thuyết minh số 23)	-	8.356.038.352
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.923.087.362	2.944.489.593
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ cho cán bộ công nhân viên của Công ty	1.204.575.085	2.711.392.067
Tạm ứng cho nhân viên	1.044.832.651	1.174.181.670
Phải thu khác	<u>950.030.586</u>	<u>553.290.218</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.122.525.684</u>	<u>15.739.391.900</u>

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	4.869.492.406	-	6.321.880.827	-
Công cụ, dụng cụ	359.375.849	-	388.444.722	-
TỔNG CỘNG	<u>5.228.868.255</u>	-	<u>6.710.325.549</u>	-



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VNĐ
						Tổng cộng
Số đầu năm	632.439.611.799	752.549.313.553	17.724.176.684	4.971.921.343	117.454.545	1.407.802.477.924
- Mua trong năm	-	244.500.000	-	-	-	244.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.600.585.563	26.788.780.187	-	-	-	36.389.365.750
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.003.840.716)	-	-	-	(6.003.840.716)
Số cuối năm	642.040.197.362	773.578.753.024	17.724.176.684	4.971.921.343	117.454.545	1.438.432.502.958
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	5.582.007.302	445.932.404.279	11.570.339.669	4.458.365.965	-	467.543.117.215
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	387.722.445.758	573.277.171.909	14.181.165.374	4.673.473.926	31.420.288	979.885.677.255
- Khấu hao trong năm	19.627.395.606	22.993.603.896	607.409.240	144.196.351	11.745.455	43.384.350.548
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.003.840.716)	-	-	-	(6.003.840.716)
Số cuối năm	407.349.841.364	590.266.935.089	14.788.574.614	4.817.670.277	43.165.743	1.017.266.187.087
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	244.717.166.041	179.272.141.644	3.543.011.310	298.447.417	86.034.257	427.916.800.669
Số cuối năm	234.690.355.998	183.311.817.935	2.935.602.070	154.251.066	74.288.802	421.166.315.871



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	20.558.322.400	-	20.558.322.400
- Mua trong năm	-	77.000.000	77.000.000
Số cuối năm	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	1.871.329.386	-	1.871.329.386
- Khấu trừ trong năm	411.166.444	22.687.500	433.853.944
Số cuối năm	2.282.495.830	22.687.500	2.305.183.330
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	18.686.993.014	-	18.686.993.014
Số cuối năm	18.275.826.570	54.312.500	18.330.139.070

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng cơ bản		
Trường THCS Yên Bình	-	957.027.906
Khác	-	15.024.219
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Đại tu đường kiểm tra đập	893.784.092	-
Đại tu thanh cái 110kV	288.340.438	-
Sửa chữa hội trường lớn	-	497.835.138
Sửa chữa nhà ăn ca	-	500.285.472
Đại tu các ngăn lộ điều khiển đường dây 110KV	-	301.020.000
Khác	153.974.027	-
TỔNG CỘNG	1.336.098.557	2.271.192.735

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	4.122.600.000	4.122.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện II	556.799.291	556.799.291	-	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Ban Mai	-	-	6.673.150.000	6.673.150.000
Công ty Xây dựng số 3 Yên Bái	-	-	1.425.444.250	1.425.444.250
Khác	971.681.086	971.681.086	599.922.653	599.922.653
TỔNG CỘNG	5.651.080.377	5.651.080.377	8.698.516.903	8.698.516.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 22.2)	7.110.180.348	29.026.678.395	30.186.076.835	5.950.781.908
Thuế giá trị gia tăng	6.331.742.951	18.427.874.920	24.759.617.871	-
Thuế tài nguyên	3.184.158.143	21.482.869.011	23.114.252.975	1.552.774.179
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.428.231.860	2.200.644.698	227.587.162
	16.626.081.442	71.365.654.186	80.260.592.379	7.731.143.249
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	116.806.407	116.806.407
TỔNG CỘNG	-	-	116.806.407	116.806.407

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	3.052.924.939	1.299.140.610
Trích trước ủng hộ Trường THCS Yên Bình	-	957.027.906
TỔNG CỘNG	3.052.924.939	2.256.168.516

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí môi trường rừng	1.404.828.400	2.018.526.400
Chi phí ủng hộ xây dựng Trường THCS Yên Bình	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức phải trả	176.619.500	8.828.097.525
Chi phí mua sắm thiết bị	-	3.872.220.000
Tiền thưởng cho nhân viên	-	1.869.543.128
Khác	439.391.344	518.982.997
TỔNG CỘNG	3.020.839.244	18.107.370.050

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VNĐ
						Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	635.000.000.000	23.057.817.779	93.701.261.954	6.155.588.270	150.394.716.434	908.309.384.437
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	138.340.532.107	138.340.532.107
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	-	22.734.545.275	3.851.391.299	(26.585.936.574)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	-	(156.519.294)	(156.519.294)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(118.110.000.000)	(118.110.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(246.258.172)	(246.258.172)
Điều chuyển quỹ sang Vốn khác của chủ sở hữu	-	19.098.058.942	(19.098.058.942)	-	-	-
Số cuối năm	635.000.000.000	42.155.876.721	97.337.748.287	10.006.979.569	138.636.534.501	923.137.139.078
Trình bày lại	-	-	10.006.979.569	(10.006.979.569)	-	-
Số cuối năm (Trình bày lại)	635.000.000.000	42.155.876.721	107.344.727.856	-	138.636.534.501	923.137.139.078
Năm nay						
Số đầu năm (trình bày lại)	635.000.000.000	42.155.876.721	107.344.727.856	-	138.636.534.501	923.137.139.078
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	115.290.857.822	115.290.857.822
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	-	(172.483.321)	(172.483.321)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(190.500.000.000)	(190.500.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(318.945.292)	(318.945.292)
Điều chuyển quỹ sang Vốn khác của chủ sở hữu	-	36.633.865.750	(36.633.865.750)	-	-	-
Số cuối năm	635.000.000.000	78.789.742.471	70.710.862.106	-	57.935.963.710	842.436.568.287

(*) Bao gồm cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 và tạm chia năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết số 654/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và Nghị Quyết số 2036/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
TỔNG CỘNG	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Cổ đông	Đơn vị tính: VNĐ	
	Vốn điều lệ đã góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (Công ty mẹ)	381.651.680.000	60,10%
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	62.848.320.000	9,90%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

16.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Tạm ứng cổ tức cho năm 2015: 1.000 VNĐ/cổ phiếu	63.500.000.000	-
Cổ tức cho năm 2014: VNĐ 2.000/cổ phiếu	127.000.000.000	-
Cổ tức cho năm 2013: VNĐ 1.860/cổ phiếu	-	118.110.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>63.500.000</i>	<i>635.000.000.000</i>	<i>63.500.000</i>	<i>635.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>63.500.000</i>	<i>635.000.000.000</i>	<i>63.500.000</i>	<i>635.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>63.500.000</i>	<i>635.000.000.000</i>	<i>63.500.000</i>	<i>635.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2014: 10.000 đồng Việt Nam).

17. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	388	402
- Đô la Singapore (SGD)	4.840	4.840

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	251.087.216.645	311.811.762.771
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	<i>243.578.663.277</i>	<i>308.186.086.903</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>7.508.553.368</i>	<i>3.625.675.868</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	251.087.216.645	311.811.762.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.220.834.999	20.385.639.679
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.800.000.000	1.650.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	346.452	10.322.400
TỔNG CỘNG	<u>20.021.181.451</u>	<u>22.045.962.079</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	97.294.266.237	132.174.046.014
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.490.516.100	148.442.068
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.981.492.219)
TỔNG CỘNG	<u>98.784.782.337</u>	<u>130.340.995.863</u>

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	11.484.244.138	13.105.611.475
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.050.418.250	1.127.802.570
Chi phí cho các dịch vụ mua ngoài	6.988.194.000	4.991.642.840
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.454.413.348	11.026.334.663
TỔNG CỘNG	<u>29.977.269.736</u>	<u>30.251.391.548</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.120.520.351	6.898.282.003
Chi phí nhân công	28.931.505.454	31.026.649.736
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	43.818.204.492	64.889.225.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.859.317.239	7.418.169.823
Chi phí khác	44.032.504.537	50.360.060.788
TỔNG CỘNG	<u>128.762.052.073</u>	<u>160.592.387.411</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 4023/TCT-CS do Tổng cục Thuế ban ngày 13 tháng 10 năm 2008 về chính sách ưu đãi thuế, đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ thời điểm Công ty được thành lập và theo mức thuế suất hiện hành cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo. Năm 2013 và năm 2015 lần lượt là các năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế TNDN và được hưởng mức thuế suất ưu đãi 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.026.678.395	35.104.600.906
TỔNG CỘNG	<u>29.026.678.395</u>	<u>35.104.600.906</u>

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

TRÁC
ER
DÂN

11/11/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	144.317.536.217	173.445.133.013
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>101.295.548</i>	<i>105.713.472</i>
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.417.924
Chi phí không được khấu trừ khác	101.295.548	101.295.548
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(1.800.344.999)</i>	<i>(1.650.000.000)</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.800.000.000)	(1.650.000.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(344.999)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	142.618.486.766	171.900.846.485
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	29.026.678.395	35.104.600.906
Thuế TNDN phải trả đầu năm	7.110.180.348	3.883.783.030
Thuế TNDN đã trả trong năm	(30.186.076.835)	(31.878.203.588)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	5.950.781.908	7.110.180.348

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	243.578.663.277	308.186.086.903
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	97.200.564.000	36.211.929.680
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	65.913.000.000	26.670.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền lãi cho vay	3.359.759.521	3.126.005.871
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	Bên liên quan với cổ đông lớn	Mua hàng	29.267.910.891	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện II	Bên liên quan với cổ đông lớn	Mua dịch vụ	647.761.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)			
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	54.506.317.666
			54.506.317.666
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)			
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	34.929.073.119
			34.929.073.119

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 4)			
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	52.911.695.574
			52.911.695.574
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)			
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	82.742.624.000
			82.742.624.000
Phải thu khác (Thuyết minh số 7)			
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện chưa phát hành hóa đơn	8.356.038.352
			8.356.038.352

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng		2.126.633.293	2.399.191.246
TỔNG CỘNG		2.126.633.293	2.399.191.246

09/01/2016
 BAN GIÁM ĐỐC
 T. P.

H. O. U. T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản cam kết khoảng 4,5 tỷ VNĐ chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm các máy móc mới phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

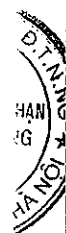
Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	115.290.857.822	138.340.532.107
Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm	-	(5.000.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	115.290.857.822	133.340.532.107
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Lãi trên cổ phiếu	1.816	2.100
- <i>Lãi cơ bản</i>	<i>1.816</i>	<i>2.100</i>
- <i>Lãi suy giảm</i>	<i>1.816</i>	<i>2.100</i>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không thực hiện lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



H. B. S. / 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng các biện pháp kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không có rủi ro về ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và định chế tài chính được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4 và 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị tính: VNĐ

	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm		
			< 90 ngày	91-180 ngày	91-180 ngày > 210 Ngày
Số cuối năm	47.776.809.337	47.177.812.257	-	-	- 598.997.080
Số đầu năm	100.628.901.695	91.430.577.914	- 7.362.120.601	-	- 1.836.203.180



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>
Số cuối năm	
Phải trả người bán	5.651.080.377
Chi phí phải trả và phải trả khác	6.073.764.183
	11.724.844.560
 Số đầu năm	
Phải trả người bán	8.698.516.903
Chi phí phải trả và phải trả khác	20.363.538.566
	29.062.055.469

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

VÀO
 CHI N
 CÔNG
 NIỆM
 ST &
 IỆT
 TẠI HÀ
 NIỆM

2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi số				Giá trị hợp lý			Đơn vị tính: VNĐ
	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)		Số cuối năm	Số đầu năm	Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng				
Tài sản tài chính								
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.782.863.176	-	275.153.556.209	-	53.782.863.176		275.153.556.209	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	289.724.592.557	-	112.593.354.050	-	289.724.592.557		112.593.354.050	
Phải thu khách hàng	39.079.068.233	424.784.580	85.575.658.324	686.148.529	38.654.283.653		84.889.509.795	
Các khoản phải thu khác	8.077.693.033	-	14.565.210.230	-	8.077.693.033		14.565.210.230	
Đầu tư tài chính dài hạn	32.619.000.000	-	32.619.000.000	-	32.619.000.000		32.619.000.000	
TỔNG CỘNG	423.283.216.999	424.784.580	520.506.778.813	686.148.529	422.858.432.419		519.820.630.284	
	Giá trị ghi số				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
Nợ phải trả tài chính								
Phải trả người bán	5.651.080.377		8.698.516.903		5.651.080.377		8.698.516.903	
Phải trả khác	6.073.764.183		20.363.538.566		6.073.764.183		20.363.538.566	
TỔNG CỘNG	11.724.844.560		29.062.055.469		11.724.844.560		29.062.055.469	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các công cụ này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

29. PHÂN LOẠI LẠI MỘT SỐ DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của bảng cân đối kế toán của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VNĐ			
		Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)	
123	Đầu tư ngắn hạn	112.593.354.050	(112.593.354.050)	-	
136	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	112.593.354.050	112.593.354.050	
155	Phải thu ngắn hạn khác	14.565.210.230	1.174.181.670	15.739.391.900	
418	Tài sản ngắn hạn khác	1.174.181.670	(1.174.181.670)	-	
	Quỹ dự phòng tài chính	10.006.979.569	(10.006.979.569)	-	
	Quỹ đầu tư phát triển	97.337.748.287	10.006.979.569	107.344.727.856	

Ngoài ra, chỉ tiêu về lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200 như được trình bày tại Thuyết minh số 25.

HẠ NG
 T. T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

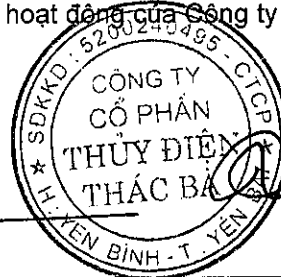
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



Lê Hồng Minh
Người lập



Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc



Yên Bái, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2016

